

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST

Ngày: 24-02-2021

V/v tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**;

2. Bà **Võ Thị Điệp**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS, ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở: Số A, H, phường H, quận Đ, thành phố N.

Địa chỉ liên lạc: Số B, đường H, Phường A, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đặng Thành K, sinh năm 1995 – chuyên viên xử lý nợ;

Địa chỉ: Số B, đường H, Phường A, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990 - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, số 49, đường T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: **1. Trần Văn Thành H**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông K và ông T có mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa;
bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đặng Thành K và ông Nguyễn Hoàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông H và bà T có vay vốn của Ngân hàng TMCP V (viết tắt Ngân hàng V) - CN Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016, với số tiền vay 121.000.000đ, lãi suất 12,5%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 02/8/2016 đến ngày 02/8/2021, mục đích vay mua xe. Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà T với Ngân hàng V đã ký hợp đồng thế chấp số: A/HCM/HĐTCSP ngày 01/8/2016, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 01/8/2016 với tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, mang biển số: A, số khung: A, số máy: A theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29/7/2016 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông H và bà T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 24/02/2021, ông H, bà T còn nợ Ngân hàng V số tiền là 97.064.667 đồng, gồm dư nợ gốc 69.945.818 đồng và nợ lãi 27.118.849 đồng.

Tại phiên tòa Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/02/2021 là 97.064.667 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 24/02/2021 cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp ông H và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Thông nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng TMCP V và thừa nhận bà T và ông H còn nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/8/2020 là 89.209.591 đồng, trong đó gồm dư nợ gốc 69.945.818 đồng và nợ lãi 19.263.773 đồng như đại diện Ngân hàng V yêu cầu.

Bà T đồng ý liên đới cùng ông H trả cho Ngân hàng V số tiền còn nợ tổng cộng số tiền 89.209.591 đồng, gồm dư nợ gốc 69.945.818 đồng và nợ lãi 19.263.773 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tính từ ngày 28/8/2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp không thực hiện trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng V thì bà T đồng ý để Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

1. Giấy CMND Lê Thị T, Giấy CMND Trần Văn Thành H và 01 sổ hộ khẩu (Bản photo);
2. Hợp đồng tín dụng số: A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016 (Bản photo);
3. Khế ước nhận nợ số: A/A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016 (Bản photo);
4. Biên bản định giá tài sản (*Đối với tài sản là phương tiện vận tải*) ngày 01/8/2016 (Bản photo);
5. Đề nghị giải ngân ngày 01/8/2016 (Bản photo);
6. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: A/HCM/HĐTCSP ngày 01/8/2016 (Bản photo);
7. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Ngân hàng TMCP V (bản sao);
8. Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 01/8/2016 (bản phô tô);
9. Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 01/8/2016 (bản phô tô)

Các tài liệu chứng cứ đã được công khai trong phiên họp giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và đã thông báo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng V yêu cầu ông H và bà T có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại xã M, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Trần Văn Thành H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Đồng thời, bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với hợp đồng tín dụng, yêu cầu ông H và bà T trả số nợ vốn và lãi tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày 24/02/2021 là 97.064.667 đồng (trong đó nợ vốn là 69.945.818 đồng, nợ lãi trong hạn là 18.079.232 đồng, nợ lãi quá hạn 9.039.616 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng V có đủ chứng cứ chứng minh ngày 01/8/2016, Ngân hàng V với ông H và bà T có ký hợp đồng tín dụng số A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, biện pháp bảo đảm trả nợ và Ngân hàng V đã giao đủ số tiền vay cho phía ông H và bà T. Từ tháng 10/2019 đến nay thì phía ông H và bà T không thanh toán đầy đủ lãi và vốn cho Ngân hàng V nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ. Đồng thời, bà T cũng thừa nhận có vay như đại diện nguyên đơn trình bày và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên đồng ý liền đới cùng ông H trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng V.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, phía ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía Ngân hàng V đưa ra. Ông H không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của Ngân hàng V thuộc trường hợp

không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nay Ngân hàng V yêu cầu phía ông H và bà T trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 97.064.667 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/02/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về hợp đồng thế chấp, cụ thể: Trường hợp ông H và bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp số A/HCM/HĐTCSP ngày 01/8/2016 ghi nhận ông H và bà T có đảm bảo khoản vay là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, mang biển số: A, số khung: A, số máy: A theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29/7/2016. Việc thế chấp tài sản được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 01/8/2016.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh nên Hợp đồng thế chấp A/HCM/HĐTCSP ngày 01/8/2016 có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Do vậy, nay Ngân hàng V yêu cầu xử lý tài sản đang thế chấp theo Hợp đồng để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận của hợp đồng, có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng V.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Ông H và bà T phải chịu án phí sơ thẩm là 4.853.200 đồng;

Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0003949 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 92; Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 13 Thông tư 39/2016/TT- NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Khoản 1 Điều 6 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V).

Buộc ông Trần Văn Thành H và bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) số tiền 97.064.667 (chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/02/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số A/HCM/HĐTD ngày 01/8/2016.

Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V), nếu ông Trần Văn Thành H và bà Lê Thị T trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp A/HCM/HĐTCSP ngày 01/8/2016.

Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V), nếu ông Trần Văn Thành H và bà Lê Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) để thu hồi nợ, cụ thể là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, mang biển số: A, số khung: A, số máy: A theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số A do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 29/7/2016 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trần Văn Thành H và bà Lê Thị T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn Thành H và bà Lê Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.853.200 (Bốn triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm) đồng;

- Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0003949 ngày 21/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô